TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **TP. HÀ NỘI** **- - - *&*- - -**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** **- - - - - - - - - **&** - - - - - - - - -**

Bản án số: **99**/2019/HS-ST
Ngày: 12.9.2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S – TP. HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà ***Chử Phương Ngọc.***

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông ***Đào Xuân Bổn.***

2. Bà ***Nguyễn Bích Liên.***

- Thư ký phiên tòa: Bà ***Nguyễn Thị Hải Hà*** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, TP. Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa: Ông ***Tạ Quốc Tuấn*** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12.9.2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S - TP. Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 92/2019/TLST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2019/QĐXXST-HS ngày 30.8.2019 đối với bị cáo:

Phạm Đức L, sinh năm 1987, tại Hà Nội.

Nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện S, TP.Hà Nội; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Khắc S và bà Trần Thị H; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Nhân thân: Ngày 02.7.2008 UBND huyện S có quyết định số 2967/QĐ-UBND áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa và cơ sở chữa bệnh bắt buộc thời hạn 02 năm, chấp hành xong ngày 04.7.2010. Ngày 19.11.2013 UBND huyện S có quyết định số 6607/QĐ-UBND áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa và cơ sở chữa bệnh thời hạn 02 năm, chấp hành xong ngày 14.01.2016, ngày 30.12.2015 UBND huyện S có quyết định số 8588/QĐ-UBND áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện ma túy thời hạn 24 tháng kể từ ngày 16.01.2016. Ngày 19.01.2019 đi cai nghiện ma túy tự nguyện thời hạn 06 tháng, chấp hành xong ngày 19.7.2019; Bị bắt, tạm giam: Không.

Có mặt.

- Bị hại: Anh ***Trần Q***, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện S, TP.Hà Nội.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 19.01.2019, Phạm Đức L điều khiển xe máy BKS 88S1- 4042 đi từ huyện Đ về nhà. Khi đi đến địa phận thôn Đ, xã P, huyện S thì L phát hiện chiếc ô tô tải BKS 29C-947.04 của anh Trần Q đỗ ở ria đường không có người trông giữ, L nảy sinh ý định trộm cắp bình ắc quy của xe để bán lấy tiền mua ma túy sử dụng. L về nhà lấy một cà-lê, một kìm cộng lực rồi quay lại vị trí xe ô tô. Quan sát thấy không có người L dùng kìm cắt dây điện, dùng cà-lê tháo ốc hãm thanh sắt bên ngoài bình ắc quy, L dùng tay nhấc một bình ắc quy để lên giá đèo hàng phía trước của xe máy. Đúng lúc này anh Q phát hiện hô hoán, L bỏ lại xe máy cùng tang vật rồi chạy về phía cánh đồng, nghe anh Q hô hoán thì anh Th là người đi đường cũng chạy đuổi theo, khi đến khu vực nghĩa trang thì anh Th và anh Q bắt giữ được L, sau đó anh Q đã đưa L đến cơ quan công an trình báo sự việc. Tang vật thu giữ gồm 01 xe máy BKS 88S1-4042, 01 kìm cộng lực, 01 bình ắc quy xe ô tô, 01 đoạn dây điện, 02 đầu nối ắc quy bằng kim loại.

Đối với 01 đoạn dây điện và 02 đầu nối ắc quy là vật đi kèm với bình ắc quy, nếu tách rời không có giá trị, anh Q không có đề nghị gì nên cơ quan điều tra không tiến hành định giá.

Tại Kết luận định giá tài sản số 104/KL-HĐ ngày 21.3.2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện S kết luận chiếc bình ắc quy khô nhãn hiệu Rocket, 12v, 120A xuất xứ Hàn Quốc của anh Q bị chiếm đoạt trị giá 2.673.000đ.

Đối với chiếc xe máy BKS 88S1-4042, quá trình điều tra xác định của anh Nguyễn Văn Q bị trộm cắp tài Nhà ga T2 - Sân bay quốc tế Nội Bài vào khoảng tháng 11.2018, Công an huyện S có quyết định số 07 ngày 29.6.2019 tách rút tài liệu liên quan điều tra xử lý trong vụ án khác.

Đối với chiếc cà-lê L khai nhận vứt lại hiện trường, cơ quan điều tra đã tiến hành rà soát nhưng không thu giữ được.

Về dân sự: Anh Q đã nhận lại bình ắc quy, đoạn dây diện và 02 đầu nối ắc quy, anh không yêu cầu gì về bồi thường dân sự.

Tại Cáo trạng số 88/CT-VKS ngày 12.7.2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố Phạm Đức L phạm tội Trộm cắp tài sản theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát huyện S sau khi phân tích nội dung, tính chất vụ án đã giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 173, Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, Điều 106 và Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự xử phạt Phạm Đức L từ 06 đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về dân sự: Do anh Q không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 kìm cộng lực.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện S, Điều tra viên Công an huyện S đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đều là hợp pháp.

[2] Về nội dung:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 19.01.2019, tại địa phận thôn Đ, xã P, huyện S, TP. Hà Nội Phạm Đức L đã có hành vi lén lút sử dụng kìm cộng lực và cà-lê trộm cắp 01 bình ắc quy nhãn hiệu Rocket, 12v, 120A xuất xứ Hàn Quốc tại xe ô tô tải BKS 29C-947.04 của anh Trần Q đỗ ria đường, chiếc bình ắc quy bị chiếm đoạt trị giá 2.673.000đ nên hành vi của bị cáo Phạm Đức L đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Điều khoản này quy định hình cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc tù từ 06 tháng đến 03 năm, ngoài ra người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ theo Khoản 5 Điều 173 - BLHS.

[3] Như vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như Cáo trạng đã nêu là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xét:

Hành vi của bị cáo L là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn làm mất trật tự an ninh tại địa phương, hành vi của bị cáo giữa ban ngày tháo trộm ắc quy

của xe ô tô thể hiện sự liều lĩnh, bản thân bị cáo tuổi đời còn trẻ nhưng đã là người nghiện ma túy, để có tiền thỏa mãn cơn nghiện bị cáo đã bất chấp vi phạm pháp luật, do vậy nên cần thiết phải xử phạt nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

Khi quyết định hình phạt HĐXX xét bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tài sản đã thu hồi trả cho người bị hại, trị giá tài sản không lớn, bị cáo phạm tội mang tính chất cơ hội để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên bản thân bị cáo là người nghiện ma túy, đã từng đi cai nghiện nhiều lần nhưng vẫn không từ bỏ được ma túy, việc bị cáo phạm tội với mục đích là bán lấy tiền để mua ma túy, nếu để cho bị cáo cải tạo ngoài xã hội sẽ ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội, do đó cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định tạo cơ hội cho bị cáo có điều kiện được cai nghiện ma túy và phòng ngừa chung. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm như đại diện Viện kiểm sát huyện S đề nghị là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có thu nhập thấp và không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về dân sự:

Anh Quang đã nhận lại toàn bộ tài sản, anh không yêu cầu gì nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[7] Về vật chứng: Đối với kìm cộng lực là vật chứng vụ án nên tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ Khoản 1 Điều 173, Điểm h-i-s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51, của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt: **Phạm Đức L 06** (sáu) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2.Căn cứ Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 kìm cộng lực.

(Tình trạng vật chứng như biên bản bàn giao giữa Công an huyện S và Chi cục thi hành án dân sự huyện S.)

- Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hợp lệ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Chử Phương Ngọc

Nơi nhận:
- VKS huyện S;
- Công an huyện S;
- Chi cục THADS huyện S(để thi hành);
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.